

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**  
**THUỘC LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**  
(Ban hành kèm theo văn bản số /SDTTG-VP ngày tháng năm 2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Mã tthc	Tên TTHC	Qđ công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Tình trạng
<b>CẤP TỈNH</b>							
1	1.014339.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1442/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
2	1.012660.H19	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
3	1.012655.H19	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
4	1.012605.H19	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai

5	1.012606.H19	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
6	1.012607.H19	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
7	1.012616.H19	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
8	1.012629.H19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
9	1.012632.H19	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai

10	1.012628.H19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
11	1.012637.H19	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
12	1.012639.H19	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
13	1.012645.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
14	1.012646.H19	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
15	1.012641.H19	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai

16	1.012648.H19	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào việt nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
17	1.012653.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
18	1.012658.H19	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
19	1.012659.H19	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xoá án tích (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, htx)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
20	1.012672.H19	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
21	1.012656.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam trong địa bàn một tỉnh (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
22	1.012657.H19	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam (cấp tỉnh)	1442/QĐ-UBND	Công dân việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai

23	1.012661.H19	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, htx)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
24	1.012664.H19	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	1046/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp tỉnh	Công khai
<b>CẤP XÃ</b>							
1	1.013797.H19	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
2	1.013798.H19	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
3	1.013796.H19	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	2245/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai

4	1.012582.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
5	1.012584.H19	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
6	1.012585.H19	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
7	1.012590.H19	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
8	1.012591.H19	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
9	1.012592.H19	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	1046/QĐ-UBND	Công dân Việt nam; tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
10	1.012223.000.000.H19	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	2245/QĐ-UBND	Công dân Việt nam	Công tác dân tộc (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai

11	1.012222.000.0 0.00.H19	Công nhận người có uy tín	2245/QĐ- UBND	Công dân việt nam	Công tác dân tộc (dân tộc và tôn giáo)	Cấp xã	Công khai
----	----------------------------	---------------------------	------------------	----------------------	---	--------	-----------





|